TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 188/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhung

2/ Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hồng N, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm 1954.
Quốc tịch: Hoa Kỳ.
Địa chỉ: Va, 22042, USA.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2017, bản tự khai ngày 11 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 2852, quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2007. Hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, quan điểm bất đồng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông T để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung tên Thái Ngô Huy H, sinh ngày 17/03/2008 và Thái Ngô Huy P, sinh ngày 18/10/2010. Bà N đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Hồng N khai không có.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông T đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận số 28/CNLS-2018 ngày 16/01/2018 ông T trình bày như sau: Ông và bà Ngô Thị Hồng N tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 2852, quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2007. Sau khi kết hôn, hạnh phúc gia đình kéo dài không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên không hiểu và quan tâm lẫn nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Ngô Thị Hồng N.

Con chung: Quá trình chung sống, ông và bà N có 02 con chung tên Thái Ngô Huy H, sinh ngày 17/03/2008 và Thái Ngô Huy P, sinh ngày 18/10/2010. Ông đồng ý để bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng ông và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 11/01/2018, bà Ngô Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án, kể cả khi hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông T đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận số 28/CNLS-2018 ngày 16/01/2018 ông T trình bày: Vì đang cư ngụ tại nước ngoài không có điều kiện để về Việt Nam giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bà Ngô Thị Hồng N và ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông T đang cư ngụ hợp pháp tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Hồng N nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 2852, quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2007 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Hồng N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của bà N, ông T cùng thừa nhận mâu thuẫn của hai vợ chồng là tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không hiểu và quan tâm lẫn nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay bà Ngô Thị Hồng N và ông T mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Ngô Thị Hồng N ly hôn ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Ông T và bà Ngô Thị Hồng N thống nhất giao 02 con chung tên Thái Ngô Huy H, sinh ngày 17/03/2008 và Thái Ngô Huy P, sinh ngày 18/10/2010 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nguyện vọng của trẻ Thái Ngô Huy H và Thái Ngô Huy P ngày 11/01/2018 là muốn ở với mẹ vì ở với mẹ được đi học, đi chơi, được ăn uống đầy đủ. Ở lớp có rất nhiều bạn và thầy cô quan tâm, yêu thương. Việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ và đúng quy định của pháp luật nên ghi nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung cho ông T đến khi bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng N.

Quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Hồng N được ly hôn với ông T.

Giấy đăng ký kết hôn số 2852, quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2007 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao 02 con chung tên Thái Ngô Huy H, sinh ngày 17/3/2008 và Thái Ngô Huy P, sinh ngày 18/10/2010 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông T cho đến khi bà Nhung có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng Nh phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0048208 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Ngô Thị Hồng N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông T thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Việt Lê Thị Nhanh Lê Phan Thị Minh Nguyệt

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vao hồi 8 giz 30 phut ngay 07 tháng 7 năm 2017

Tai truusz Toa an nhan dan Thanh phog HofChs Minh, sog 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thanh phog HofChs Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông

2/ Bà

Tieg hanh nghxan vụ án dân sự thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Ngọc, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 25 đường số 3C, Khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đào Ngọc Bích Thi, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Riihimackiveien 43, 2013 SkJetten, Na Uy.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã dược xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Biểu quyết : 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; 53, 54, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 86, Điều 122, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngọc.

Quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức Ngọc được ly hôn với bà Đào Ngọc Bích Thi.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngọc phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034471 ngày 19/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Đức Ngọc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Đào Ngọc Bích Thi thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 40 phút ngày 07 tháng 7 năm 2017.

Biên bản nghị án đã dược đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt